

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/4/2022.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy;
Bà Hoàng Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn 3, Phúc B, xã Thọ L, huyện Thọ X, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Doãn Minh T1, sinh năm 1982.

Nơi ĐKKHKT: Số nhà 25 Hàm N, phường Đông H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện anh Thành đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị T, anh T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lưu Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Doãn Minh T1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương nhưng đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường Đông H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra anh T1 còn nghiện ma túy, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ con, mặc dù chị đã

khuyến giải nhiều lần nhưng anh T1 vẫn không thay đổi. Năm 2018, anh T1 đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Thanh Hóa. Đến năm 2020 thì về địa phương sinh sống nhưng anh T1 vẫn không từ bỏ được ma túy. Đến năm 2021, anh T1 lại tiếp tục đi cai nghiện ma túy bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Thanh Hóa theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 47/QĐ-TA ngày 23/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa trong thời gian 20 tháng.

Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 7/2014. Vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay, chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là cháu Doãn Minh T2, sinh ngày 28/11/2009. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu T2 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung với chị vì hiện nay anh T1 đang phải đi cai nghiện bắt buộc, không có thu nhập, chị hiện nay là công nhân, thu nhập ổn định 6.000.000 đồng - 8.000.000 đồng/tháng. Kể từ khi vợ chồng chị sống ly thân, chị vẫn nuôi dưỡng và chăm sóc cháu T2 đầy đủ, cháu T2 phát triển tốt về mọi mặt.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai, anh Doãn Minh T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Doãn Minh T1 có trình bày thống nhất với chị T về thời gian, điều kiện kết hôn của vợ chồng. Nguyên nhân, thời điểm phát sinh mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân. Nay chị T làm đơn khởi kiện ly hôn, anh xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung như chị T trình bày. Ly hôn anh đồng ý giao cháu Doãn Minh T2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung với chị T.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bị đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn trước khi đi cai nghiện bắt buộc có nơi cư trú tại thành phố Thanh Hóa. Việc Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn là anh Doãn Minh T1 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T1.

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ngoài ra anh Thành còn nghiện ma túy, không tu chí làm ăn, không quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ con. Anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2014 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay anh T1 vẫn đang đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Thanh Hóa. Hai bên đều xác định cho đến nay tình cảm vợ chồng thực sự không còn, nay chị T làm đơn khởi kiện ly hôn thì anh T1 cũng đồng ý ly hôn. Xác minh tại địa phương cũng thể hiện trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh T1 có xảy ra mâu thuẫn. Như vậy có thể khẳng định cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị được ly hôn anh T1.

[4]. Về con chung: Chị T và anh T1 có một con chung là cháu Doãn Minh T2, sinh ngày 28/11/2009. Ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Anh T1 cũng đồng ý giao cháu T2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung với chị T. Việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, anh T1 hiện nay đang đi cai nghiện ma túy bắt buộc, không có thu nhập, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con hàng ngày. Chị T có thu nhập, chỗ ở ổn định. Kể từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay, cháu T2 vẫn do chị T nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt cho con. Cháu T2 cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của chị T là được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T2, không yêu cầu anh T1 đóng góp tiền nuôi con chung với chị.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị T được ly hôn anh Doãn Minh T1.

Về con chung: Chị T và anh T1 có một con chung là cháu Doãn Minh T2, sinh ngày 28/11/2009. Ly hôn giao cháu T2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị T.

Anh T1 có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lưu Thị T phải nộp 300.000[®] ,n phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị [®]. n ép theo biên lai sè AA/2021/0001702 ngày 04/3/2022 của Chi cục Thi hành ,n d©n sù Thụnh phè Thanh Hóa (chị T đã nộp đủ án phí).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- UBND P, Đông H, TP Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Phương

